

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN  
YÊN BÁI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**



## MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7-51
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2020</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2020</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020</i>	<i>14-46</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>43 -51</i>



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (trước đây là Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bái) được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-UB ngày 17 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216647 ngày 01 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung 13 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, tên công ty, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 5 năm 2020 thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

*Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 13: 118.000.000.000 đồng*

### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái  
Điện thoại : 0216 3885154  
Fax : 0216 3885585  
E-mail : [ximangyb@gmail.com](mailto:ximangyb@gmail.com)  
Website : [www.ybcmjsc.com](http://www.ybcmjsc.com)  
Mã số thuế : 5200216647

### Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Chi tiết: Sản xuất xi măng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Chi tiết: Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
- Kinh doanh thương mại - dịch vụ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng./.

### Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xi nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái

### Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 51).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Sự kiện ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động trong năm tài chính**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 30.144.912.607 đồng chiếm 25,5% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 253.256.136.160 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

**Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Vũ Xuân Nguyên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Ông Phạm Quang Phú	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Ông Phạm Việt Thương	Ủy viên	
Ông Vũ Xuân Nguyên	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020

***Ban Kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Chiến	Trưởng ban	
Ông Tống Văn Tý	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Nghiêm Chang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020

***Ban Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phạm Quang Phú	Giám đốc	
Ông Đặng Văn Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Phong	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Việt Thương	Phó Giám đốc	
Ông Bùi Mạnh Cường	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Giám đốc	

***Kế toán trưởng***

Họ và tên	Chức vụ	Bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đình Hoàng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban Giám đốc,  
Giám đốc



Phạm Quang Phú



Số : 1112.02/2020/ BCTC -NVT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020**

Kính gửi : **Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021 từ trang 07 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### **Trụ Sở Chính:**

Số 8, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội  
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.ntv.vn [E] vpa@ntv.vn

#### **Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:**

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

#### **Chi nhánh tại Hà Nội:**

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Vấn đề nhấn mạnh**

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.7. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 30.144.912.607 đồng chiếm 25,5% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 253.256.136.160 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

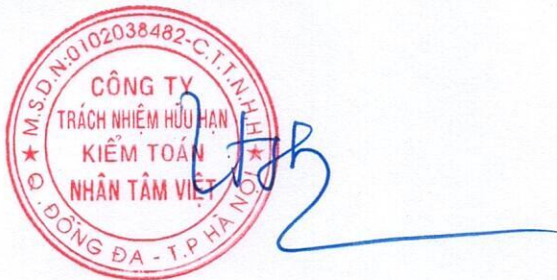
Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Vì vậy Ban Giám đốc cho rằng việc lập Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT**  
**Phó Tổng Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Nguyễn Thị Hạnh**  
GCNĐKHNT số: 1690-2018-124-1

**Phạm Văn Tuấn**  
GCNĐKHNT số: 4497-2018-124-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>363.954.416.106</b>	<b>351.796.411.453</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.162.610.715</b>	<b>4.079.658.495</b>
1. Tiền	111		7.162.610.715	4.079.658.495
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>164.436.222.936</b>	<b>123.919.288.015</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	151.197.631.601	99.969.899.817
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.753.709.833	6.635.498.618
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.608.161.019	24.844.560.997
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.123.279.517)	(7.530.671.417)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>190.780.682.895</b>	<b>222.254.030.305</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	190.780.682.895	222.254.030.305
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.574.899.560</b>	<b>1.543.434.638</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	671.062.844	671.267.087
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		903.836.716	872.167.551
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>399.951.617.261</b>	<b>383.051.306.681</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.647.556.097</b>	<b>459.578.559</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.647.556.097	459.578.559
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>347.161.002.040</b>	<b>315.297.001.732</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	303.123.362.562	315.281.001.732
<i>Nguyên giá</i>	222		630.478.302.213	620.244.617.223
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(327.354.939.651)	(304.963.615.491)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	44.029.639.478	-
<i>Nguyên giá</i>	225		46.287.699.131	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.258.059.653)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	8.000.000	16.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		162.436.364	162.436.364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(154.436.364)	(146.436.364)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.339.920.037</b>	<b>44.926.212.392</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	16.339.920.037	44.926.212.392
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>3.967.539.590</b>	<b>2.570.690.258</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2a	4.262.469.000	4.262.469.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2a	(1.294.929.410)	(1.691.778.742)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.000.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>28.835.599.497</b>	<b>19.797.823.740</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	28.835.599.497	19.797.823.740
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>763.906.033.367</b>	<b>734.847.718.134</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>658.469.541.451</b>	<b>631.008.225.840</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>617.210.552.266</b>	<b>594.932.526.440</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	220.665.881.797	202.345.915.693
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	16.789.870.793	33.136.775.517
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	18.857.059.246	15.255.405.212
4. Phải trả người lao động	314		8.142.489.854	15.356.483.809
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	3.264.900	2.352.047.094
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	28.871.003.054	46.696.950.414
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	323.880.982.622	279.788.948.701
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>41.258.989.185</b>	<b>36.075.699.400</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	11.818.400.000	11.818.400.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	29.440.589.185	24.257.299.400
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>105.436.491.916</b>	<b>103.839.492.294</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>105.436.491.916</b>	<b>103.839.492.294</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		118.000.000.000	118.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		118.000.000.000	118.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.086.494.455	9.086.494.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		261.000.000	261.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(258.200.000)	(258.200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.492.110.068	8.492.110.068
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30.144.912.607)	(31.741.912.229)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(31.741.912.229)	(33.129.779.373)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.596.999.622	1.387.867.144
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>763.906.033.367</b>	<b>734.847.718.134</b>

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hoàng



Phạm Quang Phú



# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	743.719.824.703	728.476.355.414
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		743.719.824.703	728.476.355.414
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	690.216.476.233	674.910.546.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.503.348.470	53.565.809.247
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.054.219	2.233.690
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.503.335.330	28.263.613.694
Trong đó: chi phí lãi vay	23		29.900.184.662	28.481.081.312
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	9.211.780.933	11.020.782.639
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.991.272.166	11.432.743.078
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.801.014.260	2.850.903.526
11. Thu nhập khác	31	VI.7	46.678.863.765	274.229.347
12. Chi phí khác	32	VI.8	48.174.796.155	1.123.627.654
13. Lợi nhuận khác	40		(1.495.932.390)	(849.398.307)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.305.081.870	2.001.505.219
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	708.082.248	613.638.075
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.596.999.622</u>	<u>1.387.867.144</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>135,34</u>	<u>152,89</u>

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Hồng Nhung

Nguyễn Đình Hoàng

Phạm Quang Phú



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.305.081.870	2.001.505.219
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	26.611.752.471	25.519.797.463
- Các khoản dự phòng	03	(804.241.232)	39.928.645
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	341.537,4
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(354.054.219)	(2.233.690)
- Chi phí lãi vay	06	29.900.184.662	28.481.081.312
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.658.723.552	56.040.420.486
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(45.006.441.099)	(20.074.729.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	31.473.347.410	(1.168.089.945)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(20.274.259.909)	6.608.671.863
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8.741.132.151)	(4.608.853.394)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.907.777.439)	(26.654.562.278)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16.797.539.636)</b>	<b>10.142.856.900</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(25.260.690.511)	(40.121.240.464)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	26.131.190.347	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.054.219	2.233.690
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(125.445.945)</b>	<b>(40.119.006.774)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	28.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		604.959.209.526	517.854.041.813
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(580.706.554.493)	(516.143.265.097)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4.246.717.232)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>20.005.937.801</i>	<i>29.710.776.716</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>3.082.952.220</b>	<b>(265.373.158)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4.079.658.495</b>	<b>4.345.373.190</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(341.537)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>7.162.610.715</b>	<b>4.079.658.495</b>

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hoàng

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Giám đốc



Phạm Quang Phú



# CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2020

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
  - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất xi măng;
  - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
  - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
  - Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
  - Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
  - Kinh doanh thương mại - dịch vụ;
  - Kinh doanh bất động sản;
  - Xây dựng công trình dân dụng./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Số lượng người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:** 334 lao động (số đầu năm là 347 lao động)
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**  
Không có.
7. **Cấu trúc doanh nghiệp:**  
*Các đơn vị trực thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC tổng hợp:**  
Số liệu BCTC tổng hợp năm 2020 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2019

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Doanh nghiệp có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Doanh nghiệp nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

#### **Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- + Chứng khoán chưa niêm yết, các khoản đầu tư dưới hình thức khác được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

#### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

##### b) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐVH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Thời gian khấu hao 5 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### c) Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XDCCDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp ( bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCĐ đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí sửa chữa lớn*

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ..



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

##### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác thuộc chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

#### *Các quỹ khác*

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

#### *Cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### *a) Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

### *c) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

## 13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

#### 14. Nguyên tắc kế toán chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### 16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

##### *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 17. Công cụ tài chính

##### i. Tài sản tài chính

###### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

###### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

###### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

###### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

###### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.271.826.081	1.638.582.985
Tiền gửi ngân hàng	5.890.784.634	2.441.075.510
<b>Cộng</b>	<b><u>7.162.610.715</u></b>	<b><u>4.079.658.495</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn****a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với tỷ lệ 1,67%

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(1.691.778.742)	(1.909.587.897)
Hoàn nhập dự phòng(*)	396.849.332	217.809.155
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(1.294.929.410)</u></b>	<b><u>(1.691.778.742)</u></b>

(\*) Số hoàn nhập trong năm 2020 dựa trên số liệu Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình chưa được kiểm toán.

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2020, kỳ hạn trái phiếu 07 năm

**3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH rupi Hoàng Sơn	13.926.426.960	2.336.698.999
Công ty TNHH một thành viên thương mại và xây dựng Thuận Môn	6.996.795.600	-
Đại lý Nguyễn Thị Thu Lương	12.300.472.676	1.000.000.000
Công ty TNHH Vân Long	5.084.581.600	
Công ty Cổ phần Nhựa á Đông	1.363.943.350	3.154.039.350
Công ty TNHH một thành viên Tiến Sa	6.966.668.800	550.660.500
Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Đại Phong	5.337.646.991	3.065.475.389
Công ty TNHH sản xuất dịch vụ và thương mại Quỳnh Anh	6.673.469.600	5.427.362.200
Công ty TNHH Hòa Bình	6.294.797.584	11.467.203.770
Công ty TNHH một thành viên Hoàn Hải	3.162.402.400	3.138.937.600
Phải thu khách hàng khác	83.090.426.040	69.829.522.009
<b>Cộng</b>	<b><u>151.197.631.601</u></b>	<b><u>99.969.899.817</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Môi trường xanh Gia Phong	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty TNHH TM&DV Công nghiệp Hoàng Minh	1.291.200.335	
Đối tượng khác	4.962.509.498	5.135.498.618
<b>Cộng</b>	<b><u>7.753.709.833</u></b>	<b><u>6.635.498.618</u></b>

**5. Các khoản phải thu****a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	636.701.223	(22.100.000)	641.861.223	(22.100.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	11.971.459.796	(7.000.000)	24.202.699.774	(7.000.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>12.608.161.019</u></b>	<b><u>(29.100.000)</u></b>	<b><u>24.844.560.997</u></b>	<b><u>(29.100.000)</u></b>

**b) Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**6. Nợ xấu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(7.530.671.417)	(7.272.933.617)
Tăng do trích lập trong năm	-	(257.737.800)
Hoàn nhập trong năm	407.391.900	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(7.123.279.517)</u></b>	<b><u>(7.530.671.417)</u></b>

Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi xem phụ lục số 01.

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	177.350.490.504	194.691.856.188
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.877.830.272	18.587.727.706
Thành phẩm	7.552.362.119	8.974.446.411
<b>Cộng</b>	<b><u>190.780.682.895</u></b>	<b><u>222.254.030.305</u></b>

**8. Chi phí trả trước****a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sửa chữa TSCĐ	43.622.917	44.725.000
Công cụ dụng cụ	118.770.288	21.410.000
Tiền thuê đất	239.789.635	506.992.084
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	268.880.004	98.140.003
<b>Cộng</b>	<b><u>671.062.844</u></b>	<b><u>671.267.087</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	19.464.796.523	28.602.951.454	(20.096.628.672)	27.971.119.305
Thăm dò, tư vấn, thiết kế khai thác mỏ	299.211.800		(149.605.900)	149.605.900
Công cụ dụng cụ	33.815.417	605.872.727	(111.694.205)	527.993.939
Chênh lệch giá bán TSCĐ và GTCL bán và thuê tài chính	-	10.249.465	(2.562.366)	7.687.099
Bảo hiểm rủi ro TS thuê tài chính	-	269.490.330	(90.297.076)	179.193.254
<b>Cộng</b>	<b>19.797.823.740</b>	<b>29.488.563.976</b>	<b>(20.450.788.219)</b>	<b>28.835.599.497</b>

**9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	176.639.097.706	425.615.037.922	16.659.323.427	1.331.158.168	620.244.617.223
Mua trong năm		1.064.575.000	1.750.000.000	-	2.814.575.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.532.174.103	53.139.253.141		-	55.671.427.244
Thanh lý, nhượng bán		(48.252.317.254)			(48.252.317.254)
<b>Số cuối năm</b>	<b>179.171.271.809</b>	<b>431.566.548.809</b>	<b>18.409.323.427</b>	<b>1.331.158.168</b>	<b>630.478.302.213</b>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	28.367.262.154	47.151.817.609	3.703.132.108	811.958.168	80.034.170.039
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	91.639.371.241	200.748.616.764	11.628.950.648	946.676.838	304.963.615.491
Khấu hao trong năm	6.829.093.175	16.616.732.154	822.761.914	77.105.575	24.345.692.818
Thanh lý, nhượng bán		(1.954.368.658)			(1.954.368.658)
<b>Số cuối năm</b>	<b>98.468.464.416</b>	<b>215.410.980.260</b>	<b>12.451.712.562</b>	<b>1.023.782.413</b>	<b>327.354.939.651</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	84.999.726.465	224.866.421.158	5.030.372.779	384.481.330	315.281.001.732
<b>Số cuối năm</b>	<b>80.702.807.393</b>	<b>216.155.568.549</b>	<b>5.957.610.865</b>	<b>307.375.755</b>	<b>303.123.362.562</b>

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 507.187.598.311 VND và 203.173.736.210 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay trung hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Yên Bái



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****10. Tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị

	<b>Máy móc thuê tài chính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	46.287.699.131	46.287.699.131
<b>Số cuối cuối năm</b>	<b>46.287.699.131</b>	<b>46.287.699.131</b>
<i>Trong đó:</i>		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>		
Số đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	2.258.059.653	2.258.059.653
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.258.059.653</b>	<b>2.258.059.653</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.029.639.478</b>	<b>44.029.639.478</b>

**11. Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Nguyên giá</b>	<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>Giá trị còn lại</b>
<b>Là chương trình phần mềm</b>			
Số đầu năm	162.436.364	146.436.364	16.000.000
Tăng trong năm	-	8.000.000	(8.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>162.436.364</b>	<b>154.436.364</b>	<b>8.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	122.436.364	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
<b>Xây dựng cơ bản dở dang hình thành TSCĐ</b>	<b>34.301.831.137</b>	<b>32.790.187.499</b>	<b>55.671.427.244</b>	-	<b>11.420.591.392</b>
Nhà vệ sinh NMCB	11.528.636	-	-	-	11.528.636
Nhà cơ điện NMXM	60.772.108	-	60.772.108	-	-
Kho chứa phụ gia NMXM	860.000.000	-	860.000.000	-	-
Xây dựng hạng mục khác	8.206.830.031	-	-	-	8.206.830.031
Máy nghiền số 3 - NMXM	12.463.459.931	11.336.521.196	23.799.981.127	-	-
Trạm cán ép đầu vào máy nghiền XM số 1 - NMXM	6.705.289.142	-	6.705.289.142	-	-
Silo chứa XM số 9 - NMXM	415.655.930	-	415.655.930	-	-
Nhà cơ điện NMXM (2018)	17.264.265	-	17.264.265	-	-
Silo xi bông - NMXM	340.578.728	-	340.578.728	-	-
Máy đóng bao số 4 - NMXM	2.377.990.348	-	2.377.990.348	-	-
Nhà kho chứa vỏ bao - NMXM	104.996.336	40.506.736	145.503.072	-	-
Lọc bụi đuôi lò - NMXM	1.694.198.182	6.429.849.134	8.124.047.316	-	-
Mái nhà XM	692.400.000	-	692.400.000	-	-
Dây chuyền nghiền đá siêu mịn HCH1395	280.000.000	-	280.000.000	-	-
Sân lò nung Clinker - NMXM	70.867.500	-	-	-	70.867.500
Trạm cán ép đầu vào máy nghiền số 1	-	178.785.549	178.785.549	-	-
Nhà kho chứa bột 75 - NMCB	-	70.614.562	-	-	70.614.562
Đo đặc lập hồ sơ mở MS - Xí nghiệp KT	-	87.081.800	-	-	87.081.800
Nhà vòm máy nghiền 3	-	1.549.759.226	-	-	1.549.759.226
Máy cán ép 2	-	9.429.557.159	9.429.557.159	-	-
Cải tạo canxiner	-	2.243.602.500	2.243.602.500	-	-
Dây chuyền lò nung GĐ3	-	1.423.909.637	-	-	1.423.909.637
<b>Sửa chữa lớn TSCĐ</b>	<b>10.624.381.255</b>	<b>22.668.573.845</b>	-	<b>28.373.626.455</b>	<b>4.919.328.645</b>
Sửa chữa lớn TSCĐ khác	10.624.381.255	22.668.573.845	-	28.373.626.455	4.919.328.645
<b>Cộng</b>	<b>44.926.212.392</b>	<b>55.458.761.344</b>	<b>55.671.427.244</b>	<b>28.373.626.455</b>	<b>16.339.920.037</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****13. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh	11.188.822.897	11.188.822.897	16.591.323.397	16.591.323.397
Công ty TNHH Khánh Linh	18.072.994.697	18.072.994.697	26.669.534.824	26.669.534.824
Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Đại Dương	43.205.751.406	43.205.751.406	28.855.556.200	28.855.556.200
Công ty TNHH Hòa bình	13.749.523.765	13.749.523.765	27.594.017.439	27.594.017.439
Công ty TNHH một thành viên Tiến Sa	17.367.811.953	17.367.811.953	11.336.665.194	11.336.665.194
Công ty TNHH Nguyên Sinh Phú Thọ	10.603.269.731	10.603.269.731	2.450.665.438	2.450.665.438
Các nhà cung cấp khác	106.477.707.348	106.477.707.348	88.848.153.201	88.848.153.201
<b>Cộng</b>	<b>220.665.881.797</b>	<b>220.665.881.797</b>	<b>202.345.915.693</b>	<b>202.345.915.693</b>

**b) Phải trả người bán dài hạn**

Là khoản phải trả Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh.

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Tây Bắc	-	-	22.358.944.500	22.358.944.500
Công ty TNHH Phát Đạt	-	-	2.930.645.374	2.930.645.374
Công ty cổ phần Tổng công ty xi măng Miền Bắc	2.022.589.000	2.022.589.000	-	-
Ông Nguyễn Văn Thuận	2.805.475.000	2.805.475.000	-	-
Các khách hàng khác	11.961.806.793	11.961.806.793	7.847.185.643	7.847.185.643
<b>Cộng</b>	<b>16.789.870.793</b>	<b>16.789.870.793</b>	<b>33.136.775.517</b>	<b>33.136.775.517</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp** (tiếp theo)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.882.903.629	-	15.476.938.045	(9.773.913.838)	9.585.927.836	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	510.175.994	-	708.082.248	(510.175.995)	708.082.247	-
Thuế thu nhập cá nhân	351.556.968	-	395.433.794	(716.098.228)	30.892.534	-
Thuế tài nguyên	2.717.896.496	-	4.852.893.769	(5.195.615.106)	2.375.175.159	-
Tiền thuê đất	683.176.690	-	727.780.429	(692.238.907)	718.718.212	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.109.695.435	-	5.066.749.622	(6.738.181.799)	5.438.263.258	-
<b>Cộng</b>	<b>15.255.405.212</b>	<b>-</b>	<b>27.227.877.907</b>	<b>(23.626.223.873)</b>	<b>18.857.059.246</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	-	2.247.830.434
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.264.900	104.216.660
<b>Cộng</b>	<b><u>3.264.900</u></b>	<b><u>2.352.047.094</u></b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Kinh phí công đoàn	1.750.485.677	1.441.808.397
BHXH, BHYT, BHTN	2.182.753.779	5.040.057.340
Bảo hiểm xã hội (trợ cấp ốm đau, thai sản)	1.803.891.130	949.634.700
Công ty Cổ phần Latca (Đặt cọc tiền mua thiết bị)	650.000.000	650.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	135.000.000	135.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.859.000	1.859.000
Vay Clinker của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	1.756.554.464	1.756.554.464
Khách mua hàng gửi lại kho công ty	3.024.888.102	5.312.878.671
Ông Lã Văn Tâm - đặt cọc tiền mua xi măng	6.100.000.000	6.100.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	11.465.570.902	25.309.157.842
<b>Cộng</b>	<b><u>28.871.003.054</u></b>	<b><u>46.696.950.414</u></b>

**18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	269.936.947.710	269.936.947.710	249.958.948.697	249.958.948.697
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (*)</i>	169.949.906.797	169.949.906.797	149.993.213.668	149.993.213.668
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình (**)</i>	99.987.040.913	99.987.040.913	99.965.735.029	99.965.735.029
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	36.050.000.004	36.050.000.004	18.200.000.004	18.200.000.004
Vay dài hạn đến hạn trả	10.421.000.000	10.421.000.000	11.630.000.000	11.630.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái</i>	9.021.000.000	9.021.000.000	10.230.000.000	10.230.000.000
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái</i>	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000	1.400.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.473.034.908	7.473.034.908	-	-
<i>Công ty cho thuê tài chính Chailease</i>	7.473.034.908	7.473.034.908	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>323.880.982.622</u></b>	<b><u>323.880.982.622</u></b>	<b><u>279.788.948.701</u></b>	<b><u>279.788.948.701</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

(\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/783294/HĐTD ngày 26/06/2020. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động. Hạn mức tín dụng 170.000.000.000 trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn chưa đến hạn thanh toán được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng hạn mức số 01/2019/783294/HĐTD ngày 26/06/2019 với mục đích Bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị phần xây lắp và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của nhà máy chế biến CaCO<sub>3</sub>; nhà máy xi măng lò quay; nhà máy xi măng lò đứng; văn phòng công ty; xí nghiệp khai thác đá thuộc Công ty CP xi măng khoáng sản Yên Bái.

(\*\*) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình Yên Bái theo hợp đồng tín dụng số 8705-LAV-202003628 ngày 13 tháng 11 năm 2020. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 (một trăm tỷ đồng). Hạn mức tín dụng trên bao gồm hạn mức cho vay và mở LC thanh toán vốn vay bằng VNĐ. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020-2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng 100% tài sản theo các hợp đồng thế chấp như sau:

+ Thế chấp tài sản là giá trị quyền khai thác khoáng sản (quyền khai thác mỏ) theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110-2017/HĐTC ngày 18 tháng 10 năm 2017.

+ Thế chấp tài sản là dây truyền máy móc thiết bị (Máy nghiền xi măng MB 35130) theo hợp đồng thế chấp tài sản số 111-2018/HĐTC ngày 08/11/2018.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
		phát sinh trong năm	từ vay và nợ dài hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng	249.958.948.697	580.154.553.506	-	(560.176.554.493)	269.936.947.710
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	149.993.213.668	364.626.525.940	-	(344.669.832.811)	169.949.906.797
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình	99.965.735.029	215.528.027.566	-	(215.506.721.682)	99.987.040.913
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	18.200.000.004	24.500.000.000	-	(6.650.000.000)	36.050.000.004
Vay dài hạn đến hạn trả	11.630.000.000	-	10.421.000.000	(11.630.000.000)	10.421.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	10.230.000.000	-	9.021.000.000	(10.230.000.000)	9.021.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái	1.400.000.000	-	1.400.000.000	(1.400.000.000)	1.400.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	-	-	7.473.034.908	-	7.473.034.908
Công ty cho thuê tài chính Chailease	-	-	7.473.034.908	-	7.473.034.908
<b>Cộng</b>	<b>279.788.948.701</b>	<b>604.654.553.506</b>	<b>17.894.034.908</b>	<b>(578.456.554.493)</b>	<b>323.880.982.622</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	4.800.000.000	4.800.000.000	15.221.000.000	15.221.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (***)</i>	4.000.000.000	4.000.000.000	13.021.000.000	13.021.000.000
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái (****)</i>	800.000.000	800.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	7.090.955.420	7.090.955.420	9.036.299.400	9.036.299.400
Nợ thuê tài chính	17.549.633.765	17.549.633.765	-	-
<i>Công ty cho thuê tài chính Chailease (*****)</i>	17.549.633.765	17.549.633.765	-	-
<b>Cộng</b>	<b>29.440.589.185</b>	<b>29.440.589.185</b>	<b>24.257.299.400</b>	<b>24.257.299.400</b>

(\*\*\*) : Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam –Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 01/2011/HĐ ngày 13/10/2011 để đầu tư cải tạo nhằm tiết kiệm điện năng, nâng cao năng suất nghiền xi măng và nghiền siêu mịn bột Cacbonat Canxi, tăng cường năng lực khai thác đá nguyên liệu với thời gian vay là 07 năm (Từ năm 2011 đến năm 2018). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/HĐTD ngày 28/9/2005 Đồng tài trợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái trong đó Ngân hàng đầu mối là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Mục đích vay là đầu tư xây dựng công trình mở rộng nhà máy xi măng Yên Bái công suất 300.000 tấn Klinker/năm với thời gian vay là 07 năm (Từ năm 2008 đến năm 2014) và được ân hạn 02 năm (Từ năm 2005 đến năm 2007). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần. Hợp đồng vay này được điều chỉnh giãn lịch trả nợ khoản vay dài hạn đầu tư các dây chuyền sản xuất từ năm 2014 lên năm 2019 (Gia hạn thêm 05 năm).

- Hợp đồng số 01/2012/HĐTD ngày 28/7/2012 Vay trả nợ vay ngắn hạn (Bù đắp một phần mất cân đối vốn- Thiếu hụt vốn tự có Dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Nhà máy xi măng Yên Bái Công suất 300.000 tấn Clinker/năm) thời hạn vay 07 năm (Từ năm 2012 đến năm 2019). Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/2013/HĐTD ngày 10/12/2013 Vay trả nợ vay ngắn hạn (Bù đắp một phần mất cân đối vốn- đầu tư tài sản cố định năm 2011 từ nguồn vốn ngắn hạn) thời hạn vay 07 năm (Từ năm 2013 đến năm 2020). Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng một lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành bằng vốn vay theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 01/2012/HĐ ngày 13/3/2012.

- Hợp đồng số 02/2014/783294/HĐTD ngày 27/06/2014 đầu tư mở rộng sản xuất nhà máy CaCO<sub>3</sub> với thời gian 7 năm( Từ năm 2014 đến năm 2021). Khoản này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Dự án theo Hợp đồng thế chấp tài



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

sản số 01/2014/783294/HĐBĐ ngày 13/06/2014 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản. Lãi suất vay áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 06 tháng một lần.

- Hợp đồng số 01/2015/783294/HĐTD ngày 17/6/2015. Mục đích vay: tài trợ dự án Đầu tư trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm, số tiền vay 22.000.000.000 VND với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm áp dụng đến 17/12/2015 và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV; Tài sản đảm bảo là Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm thuộc nhà máy xi măng Yên Bái và Quyền khai thác mỏ đá.

(\*\*\*\*) Là khoản vay ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh tỉnh Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng số 01.2017/HĐTD-YBC ngày 24 tháng 1 năm 2017 mục đích mua 5 máy xúc đào Komatsu phục vụ sản xuất nguyên liệu. Số tiền vay là 7.000.000.000 VND với thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất tiền vay theo thỏa thuận của các bên trên nguyên tắc bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả sau của Agribank công thêm tỷ lệ nhất định. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay trong tương lai.

(\*\*\*\*\*) Là khoản thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số C191232512 ngày 17/01/2020, tài sản thuê bao gồm: Máy nghiền bột đá, Máy tráng phủ, Máy sấy si bông và Máy cán ép, tổng giá trị tài sản thuê là 28.991.714.738 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C201108612, tài sản thuê bao gồm: Máy cán ép, Hệ thống lọc bụi xử lý khí thải, Máy đóng bao, tổng giá trị tài sản thuê là 21.924.754.306 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Bù trừ công nợ	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	15.221.000.000	-	-	(10.421.000.000)	-	4.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	13.021.000.000	-	-	(9.021.000.000)	-	4.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN tỉnh Yên Bái	2.200.000.000	-	-	(1.400.000.000)	-	800.000.000
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	9.036.299.400	304.656.020	(2.250.000.000)	-	-	7.090.955.420
Nợ thuê tài chính	-	50.916.469.044	(4.246.717.232)	(7.473.034.908)	(21.647.083.139)	17.549.633.765
Công ty cho thuê tài chính Chailease	-	50.916.469.044	(4.246.717.232)	(7.473.034.908)	(21.647.083.139)	17.549.633.765
<b>Cộng</b>	<b>24.257.299.400</b>	<b>51.221.125.064</b>	<b>(6.496.717.232)</b>	<b>(17.894.034.908)</b>	<b>(21.647.083.139)</b>	<b>29.440.589.185</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	90.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(33.129.779.373)	74.451.625.150
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	28.000.000.000	-	-	-	-	-	28.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	1.387.867.144	1.387.867.144
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>118.000.000.000</b>	<b>9.086.494.455</b>	<b>261.000.000</b>	<b>(258.200.000)</b>	<b>8.492.110.068</b>	<b>(31.741.912.229)</b>	<b>103.839.492.294</b>
Số dư đầu năm nay	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(31.741.912.229)	103.839.492.294
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	1.596.999.622	1.596.999.622
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>118.000.000.000</b>	<b>9.086.494.455</b>	<b>261.000.000</b>	<b>(258.200.000)</b>	<b>8.492.110.068</b>	<b>(30.144.912.607)</b>	<b>105.436.491.916</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****b) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.800.000	11.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	11.800.000	11.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.800.000</i>	<i>11.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(25.820)	(25.820)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(25.820)</i>	<i>(25.820)</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.774.180	11.774.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.774.180</i>	<i>11.774.180</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán tổng hợp**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngoại tệ các loại		
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>	<i>193,97</i>	<i>193,97</i>
<i>Euro (EUR)</i>	<i>0,16</i>	<i>0,16</i>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu		
- Doanh thu bán thành phẩm	743.466.984.703	727.875.035.288
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	252.840.000	601.320.126
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>743.719.824.703</u></b>	<b><u>728.476.355.414</u></b>

Thông tin về bán hàng cho bên liên quan được trình bày tại thuyết minh VII.1b

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	690.149.746.542	674.177.216.854
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.729.691	733.329.313
<b>Cộng</b>	<b><u>690.216.476.233</u></b>	<b><u>674.910.546.167</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.054.219	2.233.690
<b>Cộng</b>	<b><u>4.054.219</u></b>	<b><u>2.233.690</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	29.900.184.662	28.481.081.312
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	341.537
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(396.849.332)	(217.809.155)
<b>Cộng</b>	<b><u>29.503.335.330</u></b>	<b><u>28.263.613.694</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.216.926.182	2.206.030.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.314.195.330	7.991.023.524
Các chi phí khác	680.659.421	823.728.747
<b>Cộng</b>	<b><u>9.211.780.933</u></b>	<b><u>11.020.782.639</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.193.845.358	7.047.689.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	224.953.872	242.510.873
Thuế, phí và lệ phí	324.305.410	548.608.261
Dự phòng phải thu khó đòi	(407.391.900)	257.737.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.156.942.943	1.959.933.496
Các chi phí khác	2.498.616.483	1.376.263.646
<b>Cộng</b>	<b><u>10.991.272.166</u></b>	<b><u>11.432.743.078</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	46.637.699.131	
Chênh lệch số dư BHXH	-	274.227.667
Thu nhập khác	41.164.634	1.680
<b>Cộng</b>	<b><u>46.678.863.765</u></b>	<b><u>274.229.347</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp bảo hiểm	152.075.059	169.458.832
Giá trị còn lại của Tài sản bán và thuê lại tài chính	46.287.699.131	-
Lãi chậm thanh toán	651.079.646	56.942.500
Các khoản phạt, chậm nộp thuế	776.192.319	544.003.151
Chi ủng hộ	307.061.990	353.223.171
Chi phí khác	688.010	-
<b>Cộng</b>	<b><u>48.174.796.155</u></b>	<b><u>1.123.627.654</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.305.081.870	2.001.505.219
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.235.329.368	1.066.685.154
<i>Tiền phạt truy thu, phạt thuế</i>	1.235.329.368	1.066.685.154
<i>Lãi chậm nộp bảo hiểm</i>	776.192.319	544.003.151
<i>Chi phí ủng hộ</i>	152.075.059	169.458.832
- Các khoản điều chỉnh giảm	307.061.990	353.223.171
Thu nhập chịu thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	3.540.411.238	3.068.190.373
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	3.540.411.238	3.068.190.373
	20%	20%
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>708.082.248</u></b>	<b><u>613.638.075</u></b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.596.999.622	1.387.867.144
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.596.999.622	1.387.867.144
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.800.000	9.077.644
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>135,34</u></b>	<b><u>152,89</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.800.000	8.974.180
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	103.464
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>11.800.000</u></b>	<b><u>9.077.644</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>
Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính	21.647.083.139
Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và ký quỹ, ký cược dài hạn	2.984.318.538
Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và tiền bảo hiểm tài sản thuê tài chính, phí thuê tài chính	298.639.363
Bù trừ phải thu bán tài sản và phải trả tiền chi phí lãi thuê tài chính	240.237.657
Nhận nợ thuê tài chính	46.669.751.812

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### a) Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.866.268.938	1.831.162.854
<b>Cộng</b>	<b>1.866.268.938</b>	<b>1.831.162.854</b>

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

#### b) Giao dịch với các bên liên quan khác

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

#### A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

**Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

Lĩnh vực kinh doanh Xi măng và Klinker

Lĩnh vực kinh doanh Bốt đá & Đá hộc

Lĩnh vực khác (dịch vụ và vận chuyển)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

	<b>Xi măng</b>	<b>Bột đá</b>	<b>Hoạt động khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	641.836.110.967	113.584.154.878	601.320.126	743.719.824.703
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>641.836.110.967</b>	<b>113.584.154.878</b>	<b>601.320.126</b>	<b>743.719.824.703</b>
Chi phí theo bộ phận	603.003.779.225	105.391.165.779	733.329.313	690.216.476.233
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				53.503.348.470
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(20.203.053.099)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				<u>33.300.295.371</u>
Doanh thu hoạt động tài chính				4.054.219
Chi phí tài chính				(29.503.335.330)
Thu nhập khác				46.678.863.765
Chi phí khác				(48.174.796.155)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(708.082.248)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>1.596.999.622</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>113.594.600.493</b>	<b>20.667.664.858</b>	<b>-</b>	<b>134.262.265.351</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>37.007.025.962</b>	<b>10.055.514.728</b>	<b>-</b>	<b>47.062.540.690</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Xi măng và klinker</b>	<b>Bột đá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	587.110.808.001	96.632.727.602	683.743.535.603
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	80.162.497.764
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			<u>763.906.033.367</u>
<b>Tổng tài sản</b>			
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	225.594.963.155	13.601.050.409	239.196.013.564
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	419.273.527.887
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			<u>658.469.541.451</u>
<b>Tổng nợ phải trả</b>			
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	18.808.210.099	639.477.048	19.447.687.147
Tài sản phân bổ cho bộ phận	18.942.207.563	47.082.540.807	66.024.748.370
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			649.375.282.617
<b>Tổng tài sản</b>			<u>734.847.718.134</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	29.131.645.143	6.894.480.961	36.026.126.104
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	298.968.051.913
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			296.014.047.823
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<u>631.008.225.840</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### 3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.162.610.715	4.079.658.495	7.162.610.715	4.079.658.495
Phải thu khách hàng	144.103.452.084	92.468.328.400	144.103.452.084	92.468.328.400
Các khoản phải thu khác	16.226.617.116	25.275.039.556	16.226.617.116	25.275.039.556
<b>Cộng</b>	<b>167.492.679.915</b>	<b>121.823.026.451</b>	<b>167.492.679.915</b>	<b>121.823.026.451</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	353.321.571.807	304.046.248.101	353.321.571.807	304.046.248.101
Phải trả người bán	232.484.281.797	214.164.315.693	232.484.281.797	214.164.315.693
Các khoản phải trả khác	37.016.757.808	64.405.481.317	37.016.757.808	64.405.481.317
<b>Cộng</b>	<b>622.822.611.412</b>	<b>582.616.045.111</b>	<b>622.822.611.412</b>	<b>582.616.045.111</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

#### 4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	323.880.982.622	29.440.589.185	-	353.321.571.807
Phải trả người bán	220.665.881.797	11.818.400.000	-	232.484.281.797
Các khoản phải trả khác	37.016.757.808	-	-	37.016.757.808
<b>Cộng</b>	<b>581.563.622.227</b>	<b>41.258.989.185</b>	<b>-</b>	<b>622.822.611.412</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	251.567.500.894	50.767.970.491	-	302.335.471.385
Phải trả người bán	202.345.915.693	11.818.400.000	-	214.164.315.693
Các khoản phải trả khác	59.159.970.807	-	-	59.159.970.807
<b>Cộng</b>	<b>513.073.387.394</b>	<b>62.586.370.491</b>	<b>-</b>	<b>575.659.757.885</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### **Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

#### **7. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 30.144.912.607 đồng chiếm 25,5% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 253.256.136.160 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

#### **8. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Một số chỉ tiêu trên so sánh Bảng cân đối kế toán được phân loại như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu Sau điều chỉnh
<b>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</b>				
Phải trả người bán ngắn hạn	311	203.777.842.173	(1.431.926.480)	202.345.915.693
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.823.478.732	1.431.926.480	15.255.405.212

Lập ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Vũ Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hoàng

Giám đốc



Phạm Quang Phú



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái  
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng	
<b>Công nợ phải thu khách hàng</b>	-	10.641.790.964	7.094.179.517	-	11.815.689.964	7.501.571.417		
20 MICRONS LIMITED	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241	82.852.241	
20 MICRONS SDN. BHD.	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384	16.543.384	
Bà Hương Cài	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600	9.594.600	
Bà Hào	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000	17.540.000	
Bà Lon - Km 13	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000	11.736.000	
CN CtyTNHHITV hơi KN que hàn-NM ĐĐ&HC Tràng Kênh	Quá hạn trên 3 năm	166.436.500	116.505.550	Quá hạn trên 3 năm	166.436.500	116.505.550	116.505.550	
Cty TNHH xi măng Việt Quang	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600	99.820.600	
Cty TNHH TM và Đầu tư Bắc Việt	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000	39.500.000	
Công ty CP sản xuất thương mại ATD	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000	6.400.000	
Công ty CP TM & ô tô Hàn Việt	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000	68.000.000	
Công ty CP XD & PT cơ sở hạ tầng VINASHIN	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000	59.700.000	
Công ty CP XD phát triển Hoà Anh	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000	21.600.000	
Công ty CP XD và thương mại Tiên Thành	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006	17.758.006	
Công ty CP xi măng Lai Châu	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700	123.905.700	
Công ty CP XL và Thương mại Ba Vi	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410	7.420.410	
Công ty CP đầu tư & PT Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000	15.200.000	
Công ty cổ phần Thông Việt	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000	444.956.000	
Công ty cổ phần xây dựng và Đầu tư Hà Nội	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000	104.820.000	
Công ty cổ phần giao thông - Xây dựng HJC1	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000	6.385.000	
Công ty cổ phần Hoá phẩm Dầu khí	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045	6.569.045	



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số đầu năm				Số cuối năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
DMC - Miền bắc								
Công ty cổ phần LILAMA 3	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204	175.784.204	175.784.204
Công ty cổ phần sản xuất và vận tải Thái Sơn	Quá hạn trên 3 năm	325.250.000	227.675.000	Quá hạn trên 3 năm	325.250.000	227.675.000	325.250.000	227.675.000
Công ty cổ phần XD và TM Sóng Hồng	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000	58.200.000	58.200.000
Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thanh Xuân	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000	310.695.000	310.695.000
Công ty cổ phần xây lắp và Đầu tư Sông Đà	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000	105.860.000	105.860.000
Công ty cầu 13	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000
Công ty TM Hạ Long	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH Bình Minh	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400	38.418.400	38.418.400
Công ty TNHH Chiến Công	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000	52.160.000	52.160.000
Công ty TNHH Chính Dũng	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000	22.110.000	22.110.000
Công ty TNHH Duy Thanh	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300	82.510.300	82.510.300
Công ty TNHH Gia Phát	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH Hải Ninh	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500	8.285.500	8.285.500
Công ty TNHH Hợp Lực	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000	55.500.000	55.500.000
Công ty TNHH Hùng dũng	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550	3.133.550	3.133.550
Công ty TNHH kỹ nghệ Thái Dương	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000	156.800.000	156.800.000
Công ty TNHH Long Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000	87.100.000	87.100.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và XD Quốc Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000	44.550.000	44.550.000
Công ty TNHH một thành viên 207	Quá hạn trên 3 năm	64.004.928	64.004.928	Quá hạn trên 3 năm	64.004.928	64.004.928	64.004.928	64.004.928
Công ty TNHH một thành viên thương mại Hùng Cường	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000	54.000.000	54.000.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Dự phòng
Công ty TNHH một thành viên Việt Nhi	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000	14.400.000	14.400.000
Công ty TNHH một thành viên Tây Bắc	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000	130.000.000	130.000.000
Công ty TNHH Nam Thanh	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000	330.718.000	330.718.000
Công ty TNHH Nhung Hùng Lào Cai	Quá hạn trên 3 năm	59.382.440	59.382.440	Quá hạn trên 3 năm	59.382.440	59.382.440	59.382.440	59.382.440
Công ty TNHH Phú giang	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000	12.279.000	12.279.000
Công ty TNHH Quang Long	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000	3.840.000	3.840.000
Công ty TNHH SXTM Thái Thịnh Hoàng	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275	63.921.275	63.921.275
Công ty TNHH sản xuất & TM Mỹ Đức	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000	23.276.000	23.276.000
Công ty TNHH Thanh Long	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	7.665.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	7.665.000	7.665.000	7.665.000
Công ty TNHH Thanh Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	4.100.000	4.100.000	Quá hạn trên 3 năm	4.100.000	4.100.000	4.100.000	4.100.000
Công ty TNHH thương mại Gia Tùng	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775	20.969.775	20.969.775
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Trường Phúc	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000	57.300.000	57.300.000
Công ty TNHH TMDV SINABO	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000	1.325.000	1.325.000
Công ty TNHH Tùng Hương	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000	93.870.000	93.870.000
Công ty TNHH xây dựng công trình số VI	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000	100.730.000	100.730.000
Công ty TNHH Đăng Khoa	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000	41.950.000	41.950.000
Công ty TNHH Đại Hưng	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000	51.680.000	51.680.000
Công ty TNHH Đất Đá	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400	19.705.400	19.705.400
Cửa hàng Phú lương	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999	3.079.999	3.079.999
DNTN TM - DV - SX Tân Hải Nam	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365	218.257.365	218.257.365
Doanh nghiệp TN Tín Phát	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000	12.000.000	12.000.000
Doanh nghiệp TN Việt Trung	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000	500.000	500.000
Doanh nghiệp tư nhân Oanh Hiếu	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000	33.875.000	33.875.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng		
Doanh nghiệp tư nhân Thành Lợi	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	35.885.000	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	35.885.000	35.885.000	
Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tập	Quá hạn trên 3 năm	178.436.004	124.905.203	Quá hạn trên 3 năm	178.436.004	124.905.203	124.905.203	
Gulshan Polyols Limited	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782	849.782	
Jupiter Chemicals	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395	2.853.395	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395	2.853.395	2.853.395	
Nguyễn Trung Kiên	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000	24.000.000	
Nguyễn Trí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000	10.100.000	
Ngô Chí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000	8.640.000	
Sarthak International	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420	3.841.420	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420	3.841.420	3.841.420	
Tạ Văn Tuyên	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000	60.000.000	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000	60.000.000	60.000.000	
VIMAL MICRONS LTD	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650	295.650	
Vũ Hoàng Chương	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750	13.055.750	
XNCN& DV TMTH Nam Việt- Cty CP tập đoàn Tân Mai	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	98.707.565	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	98.707.565	98.707.565	
Xí nghiệp giấy Hiền Hoà	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000	10.950.000	
Ô.Túy- Cty H/C khoáng sản XD	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000	14.832.000	
Ông Dũng - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000	1.400.000	
Ông Hưng - Thanh tra	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000	24.462.000	
Ông Nười - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000	5.916.000	
Ông Quý - Sở địa chính	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000	2.728.000	
Ông Sao - Viện nghiên cứu máy	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000	10.230.000	
Ông Thuận - Cục đầu tư	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	3.112.390	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	3.112.390	3.112.390	
Ông Thắng	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000	10.000.000	
Ông Toàn - Cty CPXD & KD nhà	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650	5.373.650	
Ông Trần Ngọc Uy	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000	2.160.000	
Ông Vành	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800	4.982.800	
Ông Vũ Nuy - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000	3.450.000	



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

### Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Ông Đông - Phúc yên	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500
Ông ưu - Sờ xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000
Đại lý bà Hiệu	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000
Đại lý bà Hợp	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000
Đại lý bà Lịch	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000
Đại lý bà Phương	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400
Đại lý bà Tám	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000
Đại lý Hải Huệ	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000
Đại lý Hồng Hải	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436
Đại lý Mơ Nhỡ	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000
Đại lý Thanh Sơn	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000
Đại lý ông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080
Đại lý ông Lưu	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200
Đại lý ông Minh - Vĩnh yên	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000
Đại lý ông Nguyễn Phi Long	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380
Đại lý ông Nguyễn Văn Tịnh	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430
Đại lý ông Vàng	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500
Đại lý ông Vỹ	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020
Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	3.609.100.939	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	3.609.100.939
Công ty cổ phần Gia Phát Phú Thọ	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	198.894.000	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	698.894.000
Công ty TNHH MTV thương mại Vạn Long	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	139.225.800	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	673.899.000
		1.082.730.282	1.082.730.282	1.082.730.282
		139.225.800	209.668.200	209.668.200
		1.082.730.282	336.949.500	336.949.500



**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI**

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	647.044.056	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	647.044.056
Công ty cổ phần giấy Thành Đạt				
Công ty TNHH Một thành viên Thành Nam QB	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	608.640.000	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	608.640.000
<b>Công nợ phải thu khác</b>		<b>29.100.000</b>		<b>29.100.000</b>
Chu thành khiêm (dư trên 141)	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000
Nguyễn Văn Minh (dư trên 141)	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000
Lương Văn Tễ (dư trên 138)	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000
<b>Cộng</b>		<b>10.670.890.964</b>		<b>11.844.789.964</b>
		<b>7.123.279.517</b>		<b>7.530.671.417</b>

